

Số: /BC-UBND

Cát Hải, ngày tháng 7 năm 2026

## BÁO CÁO

### Sơ kết 01 năm triển khai, thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn đặc khu Cát Hải

Thực hiện Kế hoạch số 3639/KH-SGDĐT ngày 16/6/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng về việc tổ chức sơ kết 01 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo (viết tắt là Nghị quyết số 71-NQ/TW);

Căn cứ kết quả chỉ đạo, triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, đặc khu Cát Hải báo cáo sơ kết 01 năm, cụ thể như sau:

#### I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO TRIỂN KHAI

##### 1. Công tác quán triệt, tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 71-NQ/TW

- Có 758/758 (100%) cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động toàn đặc khu (bao gồm công chức Phòng Văn hóa-Xã hội và các đơn vị trường học) được tham gia học tập, quán triệt Nghị quyết số 71-NQ/TW.

- Công thông tin điện tử đặc khu Cát Hải mở 01 chuyên mục về tuyên truyền việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW tại địa phương nhằm tuyên truyền sâu rộng, có hệ thống đến toàn thể Nhân dân, các cơ quan, đơn vị trong toàn hệ thống chính trị đặc khu; Đồng thời ban hành kế hoạch tuyên truyền cụ thể Nghị quyết số 71-NQ/TW<sup>1</sup>.

##### 2. Việc ban hành kế hoạch, chương trình hành động, văn bản chỉ đạo của địa phương

Ủy ban nhân dân đặc khu ban hành 02 các văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW<sup>2</sup>.

<sup>1</sup> Ủy ban nhân dân đặc khu ban hành Kế hoạch số 71/KH-UBND ngày 12/2/2026 về Kế hoạch Đẩy mạnh công tác truyền thông thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

<sup>2</sup> Ngày 26/12/2025, Ủy ban nhân dân đặc khu ban hành Kế hoạch số 155/KH-UBND về Kế hoạch triển khai kế hoạch hành động số 21-KH/ĐU, ngày 01/12/2025 của Đảng ủy đặc khu Cát Hải về việc thực hiện Chương hành động số 02-CTr/TU, ngày 20/10/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn đặc khu; Ngày 05/01/2026 Ủy ban nhân dân đặc khu ban hành Kế hoạch số 03/KH-UBND về Kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn đặc khu Cát Hải giai đoạn 2026-2030 với các chỉ tiêu, giải pháp thực hiện gắn liền với việc thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo

- Xác định ý nghĩa và tầm quan trọng trong việc thực hiện Nghị quyết, Ủy ban nhân dân đặc khu chỉ đạo Phòng Văn hóa- Xã hội chủ động đưa việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW vào tiêu chí đánh giá thi đua các đơn vị trường học cuối mỗi năm học<sup>3</sup>.

- Tính đến hết tháng 6/2026, Ủy ban nhân dân đặc khu ban hành 02 báo cáo tiến độ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo theo quy định, đồng thời chỉ đạo và phối hợp với các cơ quan, các đơn vị liên quan tổ chức sơ kết 01 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 71 NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo<sup>4</sup>.

### **3. Công tác kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc triển khai thực hiện**

Trong năm học 2025-2026, Ủy ban nhân dân đặc khu chỉ đạo Phòng Văn hóa- Xã hội tổ chức 01 cuộc kiểm tra các đơn vị trường học về việc thực hiện Nghị quyết số 71 NQ/TW gắn với thực hiện nhiệm vụ năm học và đánh giá các tiêu chí thi đua cuối năm học 2025-2026<sup>5</sup>

### **4. Những thuận lợi, khó khăn trong công tác chỉ đạo, điều hành.**

#### *4.1. Thuận lợi:*

- Đặc khu Cát Hải có mạng lưới trường lớp phù hợp đặc thù địa phương, duy trì ổn định qua nhiều năm; các đơn vị trường học có hệ thống trường lớp kiên cố; cơ sở vật chất cơ bản đảm bảo đáp ứng yêu cầu dạy học và đang từng bước được đồng bộ và tiến tới hiện đại.

- Đa số các đơn vị trường học cơ bản đảm bảo tương đối đầy đủ giáo viên về số lượng và cơ cấu môn học để đảm bảo dạy học 2 buổi/ngày. Đội ngũ giáo viên, nhân viên cơ bản đạt chuẩn trình độ đào tạo; Đội ngũ nhà giáo đều đạt chuẩn về trình độ, năng lực chuyên môn khá tốt có khả năng thực hiện được các nhiệm vụ về đột phá nâng cao chất lượng giáo dục và chuyển đổi số, ứng dụng AI trong dạy học, thực hiện hiệu quả chương trình GDPT 2018.

#### *4.2. Khó khăn*

---

3. Hướng dẫn số 01/HD-VHXXH ngày 10/3/2026 của Phòng Văn hóa-Xã hội về hướng dẫn Công tác thi đua, khen thưởng đối với các đơn vị trường học trên địa bàn đặc khu năm học 2025-2026.

<sup>4</sup> Báo cáo số 373/BC-UBND ngày 18/12/2025 báo cáo tình hình tiến độ kết quả triển khai, thực hiện Nghị quyết số 281/NQ-CP, ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Báo cáo số 184/BC-UBND ngày 16/4/2026 của UBND đặc khu về báo cáo tình hình tiến độ kết quả triển khai, thực hiện Nghị quyết số 281/NQ-CP, ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Công văn số 3400/CV-UBND ngày 22/6/2026 của Ủy ban nhân dân đặc khu về việc tổ chức sơ kết 01 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 71 -NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

<sup>5</sup> Quyết định số 1672/QĐ-UBND ngày 14/5/2026 về việc Thành lập Đoàn kiểm tra các tiêu chí thi đua cuối năm học 2025-2026 đối với các trường Mầm non, Tiểu học, Tiểu học và Trung học cơ sở, Trung học cơ sở, trên địa bàn đặc khu Cát Hải

- Một số trường học trên địa bàn còn bất cập về cơ cấu do đặc thù của đặc khu Cát Hải có quy mô số lớp còn quá nhỏ, đặc biệt đối với các trường có hai cấp học (các trường TH&THCS), nên còn hiện tượng giáo viên dạy liên trường chéo môn dẫn đến chất lượng giáo dục chưa đạt như mong đợi.

- Đề án "Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2045" trên địa bàn còn gặp nhiều khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện do còn chưa có Chương trình cụ thể; thiếu giáo viên tiếng Anh. Giáo viên các bộ môn chưa được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn triển khai thực hiện dạy các môn học bằng tiếng Anh; cơ sở vật chất một số trường chưa đáp ứng triển khai dạy học tiếng Anh và đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học.

## **II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

### **1. Hoàn thiện thể chế, chính sách và đổi mới quản trị giáo dục**

- Kết quả rà soát, tham mưu sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền địa phương

Đặc khu Cát Hải thực hiện đúng, đủ, kịp thời các cơ chế chính sách thuộc thẩm quyền của Trung ương và địa phương (*VD: Nghị quyết 248/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để thực hiện đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*); tham gia góp ý dự thảo các văn bản của Chính phủ, thành phố các bộ ban ngành liên quan khi được yêu cầu. Nội dung các văn bản góp ý được lưu trữ đầy đủ theo quy định.

100% các đơn vị trường học thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên theo quy định.

- Kết quả thực hiện phân cấp, phân quyền; cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực giáo dục;

Đặc khu Cát Hải thực hiện nghiêm túc phân cấp phân quyền chính quyền địa phương 2 cấp trong lĩnh vực giáo dục đào tạo; thực hiện nghiêm túc cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực giáo dục.

100% các đơn vị trường học thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực giáo dục

- Đổi mới công tác quản trị cơ sở giáo dục

Ủy ban nhân dân đặc khu chỉ đạo kịp thời các cơ sở giáo dục trên địa bàn thực hiện đổi mới công tác quản trị cơ sở giáo dục theo phân cấp phân quyền.

### **2. Đối với giáo dục mầm non**

#### *2.1. Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non*

- Quy hoạch phát triển mạng lưới trường lớp:

Mạng lưới trường lớp đặc khu cơ bản đảm bảo ổn định sau khi thực hiện sáp nhập một số đơn vị trường học theo kế hoạch của Thành phố (hoàn thành xong trong tháng 3/2025).

- Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ; mẫu giáo: Tỷ lệ huy động  $1626/1827=88,9\%$ , Trong đó: Nhà trẻ:  $412/596=69,1\%$ ; Mẫu giáo:  $1214/1231=98,5\%$ ; Trẻ Mẫu giáo 5 tuổi:  $453/453=100\%$ , đều đạt và vượt chỉ tiêu so với thành phố.

- Phát triển giáo dục mầm non ở khu công nghiệp, khu chế biến, vùng khó khăn: Đặc khu Cát Hải không có các đơn vị trường học ở khu công nghiệp, khu chế biến, vùng khó khăn.

## 2.2. Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em

- Việc xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình giáo dục mầm non

100% các trường trên địa bàn đặc khu đã xây dựng và triển khai hiệu quả Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. 100% nhóm, lớp thực hiện đầy đủ các nội dung giáo dục theo quy định, bảo đảm phù hợp với độ tuổi, khả năng và nhu cầu phát triển của trẻ; đội ngũ giáo viên tích cực đổi mới phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục theo quan điểm “Lấy trẻ làm trung tâm”; chú trọng lồng ghép giáo dục kỹ năng sống, giáo dục bảo vệ môi trường, giáo dục an toàn giao thông, phòng chống tai nạn thương tích và các hoạt động trải nghiệm thực tế nhằm giúp trẻ hình thành những phẩm chất, năng lực cần thiết ngay từ những năm đầu đời. Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân:  $2/1626=0,12\%$ ; trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi:  $4/1626=0,24\%$ , trẻ thừa cân béo phì:  $2/1626=0,12\%$ .

- Công tác đảm bảo an toàn cho trẻ:

+ ) 100% các đơn vị trường học đã xây dựng và thực hiện nghiêm các phương án phòng, chống tai nạn thương tích, phòng chống cháy nổ, phòng chống dịch bệnh và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Thường xuyên kiểm tra, rà soát cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi; kịp thời khắc phục các nguy cơ mất an toàn trong và ngoài lớp học. 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện nghiêm các quy định về bảo đảm an toàn cho trẻ trong mọi hoạt động.

+ ) Công tác nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe trẻ được thực hiện đúng quy trình. 100% các trường tổ chức bữa ăn bán trú bảo đảm cân đối dinh dưỡng, vệ sinh an toàn thực phẩm; thực hiện lưu mẫu thức ăn theo quy định; phối hợp với Trung tâm y tế Cát Hải và bệnh viện đa khoa Đôn Lương tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho trẻ, theo dõi trẻ bằng biểu đồ tăng trưởng. Công tác tuyên truyền, phối hợp với cha mẹ trẻ trong chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ được duy trì thường xuyên, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục toàn diện.

- Giáo dục hòa nhập: 100% (3) trẻ khuyết tật trên địa bàn đặc khu được tham gia học hòa nhập.

## 2.3. Chuyển đổi số trong giáo dục mầm non

- Ứng dụng công nghệ số trong quản lý: 100% các trường thực hiện cao hiệu quả ứng dụng công nghệ số trong công tác quản lý, điều hành và chỉ đạo chuyên môn. Thực hiện hiệu quả việc quản lý hồ sơ số, chữ ký số, các phần mềm quản lý giáo dục; tăng cường hợp, trao đổi công việc trên môi trường số. Cán bộ, giáo viên các trường tích cực và thành thạo trong việc ứng dụng công

nghệ thông tin trong xây dựng kế hoạch, tổ chức hoạt động giáo dục và khai thác học liệu số, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và chất lượng giáo dục.

- Học liệu số và kho học liệu dùng chung: 100% các trường đẩy mạnh xây dựng, khai thác và sử dụng hiệu quả học liệu số, cập nhật, chia sẻ tài liệu trên kho học liệu dùng chung; Giáo viên chủ động ứng dụng học liệu số trong tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục góp phần nâng cao chất lượng dạy học.

### **3. Đối với giáo dục phổ thông**

#### *3.1. Việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018*

- Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018: 100% (11/11) các trường khối phổ thông đã chủ động xây dựng kế hoạch dạy học các môn học đối với cấp học theo quy định; thực hiện chương trình giáo dục phổ thông đảm bảo linh hoạt, chủ động, hiệu quả, phù hợp với hoàn cảnh thực tế của mỗi nhà trường. Đa số các trường tổ chức việc dạy học 2 buổi/ngày<sup>6</sup>. Các trường tổ chức dạy học Tiếng Anh, Tin học đảm bảo theo quy định.

- Điều kiện bảo đảm thực hiện chương trình:

+) Đội ngũ: Đa số các đơn vị trường học cơ bản đảm bảo đủ giáo viên và cơ cấu bộ môn<sup>7</sup>; Biên chế đội ngũ được rà soát và xây dựng theo Đề án vị trí việc làm

+ Các trường cơ bản có đủ phòng học, phòng bộ môn, sân chơi, bãi tập, trường lớp khang trang. Số phòng: 171 phòng, đạt tỉ lệ 1/1, đảm bảo tổ chức học dạy 2 buổi/ngày. Đại đa số các trường có cơ bản đủ trang thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ Chương trình GDPT 2018.

- Khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai:

+) Hệ thống cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ Chương trình GDPT 2018 một số trường chưa đáp ứng được tính đồng bộ nhiều nhất là các phòng học bộ môn, thiếu đồ dùng, trang thiết bị dạy học hiện đại (phòng học thông minh, phòng Stem..).

+) Một số trường gặp tình trạng thiếu giáo viên đứng lớp ở một số môn học đặc thù theo chương trình GDPT 2018 (Môn Tin học, môn KHTN (phần Hoá-Sinh), môn GDTC, .. phải điều động giáo viên dạy liên trường.

#### *3.2. Công tác sách giáo khoa và học liệu*

- Tình hình triển khai sử dụng bộ sách giáo khoa thống nhất toàn quốc: 100% các trường đã tổ chức phổ biến, triển khai đến 100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên học sinh và phụ huynh nhằm tạo sự đồng thuận, chủ động trong

---

6. Năm học 2025-2026, toàn đặc khu có trường TH&THCS (cấp Tiểu học) chưa tổ chức dạy học 2 buổi/ngày.

7. Năm học 2025-2026, Toàn đặc khu có 11 trường phổ thông. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên: 337. Trong đó, CBQL: 27(TH13, THCS 14), Giáo viên 275 (TH 134, THCS 141), Nhân viên: 35.

triển khai sử dụng chung 1 bộ sách giáo khoa; tổ chức quán triệt các văn bản pháp lý liên quan; tập trung xây dựng Kế hoạch sử dụng sách giáo khoa năm học 2026-2027, dự kiến số lượng SGK, SGV của giáo viên và học sinh báo cáo đơn vị cung ứng. Các trường tập trung tập huấn Sách giáo khoa bộ sách thống nhất toàn quốc cho 100% giáo viên. Tuyên truyền chủ trương tiết kiệm, khuyến khích giữ gìn sách để tái sử dụng trong các năm học tiếp theo.

- Khó khăn, vướng mắc: Không.

- Kiến nghị, đề xuất: Không.

### 3.3. Công tác đổi mới kiểm tra, đánh giá và thi cử

- Triển khai thực hiện Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 Ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học; Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 Quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông:

100% các trường đã triển khai nghiêm túc và đồng bộ hoạt động kiểm tra, đánh giá học sinh ở cả hai cấp học theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT và Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Quá trình đánh giá đã chuyển đổi mạnh mẽ từ chú trọng kiến thức sang coi trọng sự tiến bộ, phát triển phẩm chất và năng lực thực tế của học sinh. Các hình thức kiểm tra định kỳ được tổ chức khách quan, nghiêm túc từ khâu xây dựng ma trận, đặc tả đề cho đến khâu coi chấm; đồng thời kết hợp linh hoạt giữa đánh giá thường xuyên bằng nhận xét và điểm số. Các trường đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý kết quả học tập qua hệ thống sổ điểm và học bạ số, đảm bảo tính công khai, minh bạch

Triển khai sử dụng hệ thống Quy chế quản lý, sử dụng Sổ điểm điện tử, Học bạ điện tử (theo QĐ số 19/QĐ-TH&THCSXD ngày 19/8/2025 Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Sổ điểm điện tử, Học bạ điện tử trên Hệ thống CSDL). Giáo viên kết hợp linh hoạt các hình thức đánh giá: chấm điểm, nhận xét, đánh giá qua sản phẩm học tập và dự án của học sinh...

Triển khai phê duyệt hồ sơ chuyên môn của giáo viên thông qua Phần mềm quản lý chuyên môn EDMICRO,... Kết quả kiểm tra, đánh giá định kỳ của học sinh được cập nhật đầy đủ, đồng bộ lên phân hệ quản lý học sinh thuộc cơ sở dữ liệu ngành.

- Các mô hình, giải pháp đổi mới kiểm tra, đánh giá: 100% giáo viên ứng dụng CNTT trong đánh giá thường xuyên học sinh. Một số trường đã sử dụng phòng Tin học tổ chức một số sân chơi, cuộc thi qua mạng Internet năm học 2025-2026, ...

- Kết quả ứng dụng công nghệ số trong kiểm tra, đánh giá định kì:

Các trường trên địa bàn đặc khu chưa có đủ điều kiện hạ tầng kỹ thuật để thực hiện ứng dụng công nghệ số trong kiểm tra, đánh giá định kì.

- Đề xuất, kiến nghị về đánh giá học sinh trên máy tính và xây dựng ngân hàng câu hỏi dùng chung:

Kiến nghị Sở GD&ĐT cấp quyền truy cập, xây dựng một công ngân hàng đề thi/câu hỏi dùng chung cho toàn thành phố/đặc khu để nhà trường khai thác, đồng thời tổ chức tập huấn kỹ năng ra đề, chấm điểm chuẩn hóa trên máy tính cho giáo viên.

#### *3.4. Công tác phát triển giáo dục STEM, ngoại ngữ và năng lực số*

- Triển khai giáo dục STEM, STEAM:

100% các trường tiếp tục đưa các bài học STEM vào kế hoạch giáo dục môn học, đặc biệt ở các môn Khoa học, Khoa học tự nhiên, Toán, Công nghệ và Tin học nhằm khơi dậy tư duy sáng tạo của học sinh. Các trường rà soát xây dựng chương trình nhà trường; xây dựng bài học STEM; tổ chức các hoạt động ngoại khóa gắn với giáo dục, định hướng STEM; các câu lạc bộ dành cho học sinh; xây dựng kế hoạch tự bồi dưỡng thường xuyên năm học 2025- 2026. Mọi trường tổ chức 01 đến 02 chuyên đề cấp tổ, cấp trường về dạy học STEM; thành lập 01 câu lạc bộ Tin học-STEM.

- Dạy học ngoại ngữ và dạy học một số môn bằng tiếng Anh:

100% các trường các trường trên địa bàn đặc khu tổ chức dạy học ngoại ngữ (tiếng Anh) cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 9. Có 1 trường Tiểu học (TH Nguyễn Văn Trỗi) tổ chức dạy học tiếng Anh cho học sinh lớp 1-2.

100% các trường học trên địa bàn đặc khu bám sát lộ trình kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố và kế hoạch của Sở Giáo dục và Đào tạo, xây dựng kế hoạch của nhà trường đảm bảo lộ trình mục tiêu chung của thành phố đối với giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở. Một số trường ban hành kế hoạch triển khai thực hiện có lộ trình thực hiện cụ thể chi tiết một số trường lồng ghép trong kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học hằng năm.

11/11 (100%) các trường khối phổ thông đã đưa nội dung nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, tập trung triển khai hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với môn Tiếng Anh và tăng cường các hoạt động tạo môi trường giao tiếp bằng tiếng Anh cho học sinh.

- Triển khai năng lực số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giáo dục:

100% các trường chủ động xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển KH-CN và CDS quốc gia. 100% giáo viên có khả năng khai thác, sử dụng các công cụ AI, các phần mềm tiện ích để xây dựng bài giảng điện tử và đổi mới phương pháp dạy học. 100% các trường sử dụng các phần mềm trong công tác quản lý, quản trị trường học.

#### *3.5. Công tác phát hiện, bồi dưỡng và phát triển nhân tài*

Không thuộc nội dung báo cáo.

#### *3.6. Chuyển đổi số trong giáo dục phổ thông*

- Cơ sở dữ liệu ngành: 100% CBQL, giáo viên, học sinh toàn đặc khu được đồng bộ dữ liệu với Hệ thống dữ liệu quốc gia về dân cư, 100% học sinh

đồng bộ thông tin học tập với phần mềm Phổ cập giáo dục - xóa mù chữ của Bộ GD&ĐT. Đảm bảo cơ sở dữ liệu ngành tại nhà trường được cập nhật với yêu cầu: “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”. Các trường tiếp tục triển khai các phân hệ: quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập), quản lý đội ngũ cán bộ, quản lý cơ sở vật chất, quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh, quản lý kế toán; đảm bảo kết nối thông suốt với cơ sở dữ liệu giáo dục địa phương và cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục. (csdl.haiphong.edu.vn, temis.csdl.edu.vn). Ban hành các quyết định để quản lý, sử dụng hệ thống quản trị nhà trường cụ thể; tiếp tục thực hiện phần mềm kế toán và phần mềm quản lý tài sản.

- Học liệu số: 100% giáo viên được cấp tài khoản và thường xuyên tra cứu, khai thác kho học liệu số phục vụ giảng dạy. 100% giáo viên có tài khoản và hoàn thành tự bồi dưỡng trực tuyến chủ động trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên LMS; Smat Hải Phòng và trên nền tảng bình dân học vụ số. 100% giáo viên có khả năng thiết kế bài giảng điện tử, học liệu số, nhiều giáo viên tích cực xây dựng bài giảng điện tử, bài giảng Elearning bổ sung vào kho học liệu dùng chung của nhà trường.

- Hạ tầng công nghệ thông tin: 100% các trường có hệ thống mạng internet kết nối ổn định phục vụ công tác quản lý và dạy học. Cán bộ quản lý và giáo viên được trang bị đầy đủ chữ ký số cá nhân để ký duyệt kế hoạch bài dạy và học bạ số; Đa số các trường đáp ứng nhu cầu cơ bản về hạ tầng, cơ sở vật chất phục vụ công tác CNTT và chuyển đổi số trong giáo dục tại nhà trường: 100% các phòng học có thiết bị trình chiếu, có kết nối mạng internet. Năm học 2025-2026, toàn đặc khu có 05/11 trường có phòng học thông minh; Có 05/11 trường có thư viện điện tử.

- Mô hình trường học số, lớp học thông minh: Năm học 2025-2026, toàn đặc khu có 5/11 trường có phòng học thông minh. 100% các trường được rà soát để xây dựng phòng học thông minh, đảm bảo đến năm 2030 có 100% các trường trên địa bàn đặc khu có ít nhất 01 phòng học thông minh. Các trường tích cực phát huy hiệu quả phòng học thông minh trong việc dạy- học hàng ngày.

### *3.7. Công bằng trong tiếp cận giáo dục*

- Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục: Năm 2025, đặc khu được thành phố công nhận đạt phổ cập mầm non trẻ 5 tuổi, Phổ cập giáo dục tiểu học và THCS mức độ 3, xóa mù chữ mức độ 2. Chất lượng giáo dục toàn đặc khu được duy trì và có nhiều chuyển biến tích cực.

- Giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo: 100% học sinh thường trú/tạm trú trên địa bàn thuộc hải đảo, dân tộc thiểu số được đảm bảo mọi điều kiện tham gia học tập tại trường.

- Giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật: Năm học 2025-2026, 100% (58/58) trẻ khuyết tật được học hoà nhập tại các trường trên địa bàn đặc khu. Một số học sinh có hồ sơ theo dõi đánh giá riêng.

- Chính sách hỗ trợ người học: 100% các trường và đặc khu thực hiện nghiêm túc, kịp thời các chính sách miễn, giảm, hỗ trợ học phí và chi phí học tập theo Nghị quyết số 217/2025/QH15 của Quốc hội và Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trên địa bàn thành phố Hải Phòng từ năm học 2025 – 2026.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **1. Kết quả nổi bật**

*- Những kết quả tiêu biểu sau 01 năm thực hiện Nghị quyết*

Đảng ủy, UBND đặc khu Cát Hải đã chủ động, tích cực có nhiều giải pháp sáng tạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW Bước đầu làm tốt việc nghiên cứu, tuyên truyền quán triệt Nghị quyết số 71-NQ/TW và công tác ban hành các chương trình hành động, kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW gắn với triển khai thực hiện các Đề án, Kế hoạch của Thành phố và đặc khu.

100% các cơ quan đơn vị trong toàn đặc khu phối hợp chặt chẽ, có hiệu quả trong công tác truyền thông, ban hành kế hoạch triển khai thực hiện đảm bảo rõ người, rõ việc, rõ thời gian, kết quả thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW. Cơ sở vật chất được quan tâm đầu tư ngày càng đồng bộ, hiện đại từng bước đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong lĩnh vực giáo dục.

100% các đơn vị trường học ban hành đầy đủ kế hoạch triển khai thực hiện theo lộ trình cụ thể. Công tác Chuyển đổi số trong giáo dục phổ thông và giáo dục mầm non được quan tâm, triển khai hiệu quả nổi bật trong công tác quản lý, giảng dạy chăm sóc mỗi nhà trường; Các mô hình ứng dụng AI trong thác học liệu số đã được giáo viên ứng dụng nhiều, thay thế dần phương pháp thủ công; Các giải pháp triển khai không gian trải nghiệm bước đầu mang lại hiệu quả trong việc phát triển năng lực tư duy thực tiễn cho học sinh.

Công tác duy trì sĩ số và phổ cập giáo dục được củng cố vững chắc. Môi trường học tập ngoại ngữ (tiếng Anh) được nhiều nhà trường chú trọng tạo điều kiện cho học sinh có cơ hội có sử dụng tiếng Anh vào chương trình giao tiếp, thực hành kỹ năng nghe, nói tiếng Anh.

Hệ thống quản trị cơ sở giáo dục được từng bước hoàn thiện thông qua việc ban hành các quy chế vận hành cơ sở dữ liệu rõ ràng, gắn với trách nhiệm cụ thể của từng cá nhân; công tác quản lý tài chính luôn bảo đảm tính cập nhật, công khai, minh bạch theo đúng quy định.

*- Những mô hình, giải pháp hiệu quả có thể nhân rộng:* Ủy ban nhân dân đặc khu thực hiện gắn việc thực hiện hiệu quả Nghị quyết vào đánh giá tiêu chí thi đua các đơn vị trường học theo từng năm học, coi đây là tiêu chí quan trọng

trong việc đánh giá việc kết quả triển khai nhiệm vụ năm học của mỗi nhà trường, của người đứng đầu và mỗi cá nhân trong nhà trường.

- *Các nhiệm vụ triển khai còn chậm:*

Việc đưa Tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học theo định hướng của Nghị quyết còn gặp nhiều lúng túng; chưa thể triển khai dạy học các môn học khác (như Toán, Khoa học, ....) bằng Tiếng Anh.

- *Những khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn:*

+) Đội ngũ giáo viên một số trường còn thiếu về số lượng, bất cập về cơ cấu do đặc thù của đặc khu Cát Hải có quy mô số lớp còn quá nhỏ đặc biệt các trường THCS.

+) Đề án "Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025 2035, tầm nhìn đến năm 2045" trên địa bàn còn gặp nhiều khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện do còn chưa có Chương trình cụ thể; thiếu giáo viên tiếng Anh. Giáo viên các bộ môn chưa được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn triển khai thực hiện dạy các môn học bằng tiếng Anh; cơ sở vật chất một số trường chưa đáp ứng triển khai dạy học tiếng Anh và đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học.

### **3. Nguyên nhân**

- *Nguyên nhân khách quan:*

Chưa có nguồn tuyển dụng giáo viên để ; quy định 1,9 gv/lớp đối với các trường có quy mô nhỏ (4 lớp/trường) không đảm bảo được cơ cấu bộ môn theo quy định.

100% các trường trên địa bàn đặc khu thiếu phòng Lab, thiết bị tương tác và học liệu số chuẩn quốc tế để hỗ trợ học sinh tự học ngoại ngữ.

- *Nguyên nhân chủ quan:*

Các trường đại học sư phạm chưa đào tạo giáo viên "kép" (giáo viên dạy Toán/Khoa học bằng Tiếng Anh).

Một bộ phận cán bộ quản lý và giáo viên còn khó khăn bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ.

### **4. Bài học kinh nghiệm**

*Thứ nhất*, sự gương mẫu, dám nghĩ dám làm của người đứng đầu (là yếu tố mang tính quyết định để xua tan sức ỳ trong tập thể).

*Thứ hai*, việc phân công nhiệm vụ phải theo nguyên tắc "rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ kết quả", đi kèm với giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện.

*Thứ ba*, sự đồng thuận, chung tay góp sức của phụ huynh học sinh và cộng đồng trong việc thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước.

*Thứ tư*, sự đồng bộ thực hiện cơ chế chính sách (nâng phụ cấp ưu đãi nghề (tối thiểu 70% cho giáo viên mầm non, phổ thông) là giải pháp thiết thực để giữ chân người giỏi. Đầu tư con người cần đi đôi với yêu cầu chuẩn hóa và bồi

dưỡng thường xuyên để đội ngũ thích ứng với kỷ nguyên số và trí tuệ nhân tạo (AI) là những giải pháp cốt lõi, bền vững thực hiện hiệu quả Nghị quyết.

#### **IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

**1. Đề xuất đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo:** Không

**2. Đề xuất đối với Chính phủ, các bộ, ngành liên quan:** Không

**3. Đề xuất đối với Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Tiếp tục hỗ trợ nguồn học liệu số dùng chung, các nền tảng AI bản quyền dành cho giáo dục; tăng cường các khóa bồi dưỡng chuyên sâu về quản trị trường học thông minh và giảng dạy STEM cho cán bộ, giáo viên.

- Tiếp tục tăng cường công tác chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 71-NQ/TW và Chương trình giáo dục phổ thông 2018; kịp thời ban hành các văn bản hướng dẫn đối với những nội dung mới trong quá trình thực hiện.

- Quan tâm tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên về đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá, giáo dục STEM, chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý, dạy học.

- Xây dựng và chia sẻ kho học liệu số, ngân hàng câu hỏi, tài nguyên giáo dục trên toàn thành phố.

**4. Đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm giai đoạn 2027-2030:**  
Không

Ủy ban nhân dân đặc khu kính gửi Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng;
- CT và các PCT UBND đặc khu;
- C, PCVP HĐND và UBND đặc khu;
- Các trường Mầm non, Tiểu học, TH&THCS, THCS trên địa bàn đặc khu;
- Lưu: VT, VHXX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Vũ Hữu Vững**